UBND XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG
TRƯỜNG TH VÀ THCS TÂN PHÚ ĐÔNG
Số: 40/KH-TH&THCSTPĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Phú Đông, ngày 07 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2026-2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027;

Căn cứ Kế hoạch số 691/KH-SGDĐT ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp về chuyển đổi số toàn diện, phân cấp và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo;

Công văn số 3735/SGDĐT-GDPT ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp về việc triển khai học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2026-2027;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2026-2027 và tình hình thực tế của đơn vị. Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Phú Đông xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số năm học 2026-2027 như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhà trường

Trường TH và THCS Tân Phú Đông có tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên là 126, 4 điểm trường, 01 cơ sở. Tổng số 68 lớp, trong đó có 50 lớp TH và 18 lớp THCS với 2230 học sinh(.

2. Thuận lợi

Nhà trường nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp, UBND xã Tân Phú Đông trong triển khai chuyển đổi số giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước tiếp cận và sử dụng các phần mềm quản lý giáo dục, công cụ dạy học trực tuyến, thiết bị công nghệ thông tin và các ứng dụng hỗ trợ chuyên môn.

Việc ứng dụng CNTT trong quản lý, trao đổi thông tin, tổ chức dạy học và phối hợp với cha mẹ học sinh đã tạo nền tảng thuận lợi để triển khai chuyển đổi số đồng bộ.

3. Khó khăn

Nhà trường có 04 điểm trường, việc đầu tư và bảo đảm đồng bộ hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ thông tin tại các điểm trường còn gặp khó khăn.

Điều kiện tiếp cận thiết bị số, Internet và kỹ năng sử dụng công nghệ của một bộ phận học sinh, phụ huynh chưa đồng đều.

Năng lực ứng dụng CNTT, khai thác dữ liệu và sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo của đội ngũ giáo viên còn có sự khác biệt.

Nguồn kinh phí phục vụ đầu tư, nâng cấp thiết bị, bảo trì hệ thống và bồi dưỡng năng lực số còn hạn chế.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành, dạy học, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động giáo dục; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, hiện đại, từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục số dựa trên dữ liệu số, học bạ số, hồ sơ số, học liệu số và nền tảng quản trị dùng chung.

Nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; khuyến khích ứng dụng AI an toàn, có trách nhiệm, phù hợp với từng cấp học.

Tăng cường tính công khai, minh bạch, giảm hồ sơ giấy, giảm thao tác thủ công và nâng cao hiệu quả phục vụ học sinh, cha mẹ học sinh.

2. Yêu cầu

Chuyển đổi số phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với kế hoạch giáo dục nhà trường và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận.

Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm nguyên tắc "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền.

Dữ liệu giáo dục phải bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; hạn chế nhập liệu trùng lặp, bảo đảm tính chính xác, kịp thời.

Ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của ngành; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

IV. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu chung

Đến cuối năm học 2026-2027, nhà trường từng bước hình thành mô hình quản trị số đồng bộ; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, học bạ số, cơ sở dữ liệu giáo dục, học liệu số và công cụ AI trong hoạt động quản lý, dạy học; nâng cao năng lực số của đội ngũ và học sinh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu sau gồm những yêu cầu của Bộ, Sở và những mục tiêu phấn đấu cụ thể do nhà trường đề xuất:

STT	Chỉ tiêu thực hiện	Mức phấn đấu
1	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	100%

	được tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ chuyển đổi số	
2	Rà soát, chuẩn hóa dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh	100%, trước 30/10/2026
3	Triển khai học bạ số theo hướng dẫn của ngành	100% lớp thuộc phạm vi triển khai
4	Văn bản, kế hoạch và báo cáo đủ điều kiện được xử lý trên môi trường số	100%
5	Giáo viên được bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng công cụ AI phục vụ chuyên môn	100%
6	Giáo viên ứng dụng CNTT, học liệu số trong giảng dạy	100%
7	Tổ chuyên môn xây dựng, chia sẻ học liệu số	100%
8	Học sinh THCS được giáo dục kỹ năng số, an toàn mạng và sử dụng AI có trách nhiệm	100%
9	Học sinh tiểu học được giáo dục kỹ năng số, an toàn mạng phù hợp lứa tuổi	100%
10	Lớp học triển khai hoạt động giáo dục STEM phù hợp chương trình	100%
11	Cơ sở giáo dục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu đủ điều kiện	100%
12	Điểm trường được rà soát, đánh giá hạ tầng CNTT	4/4
13	Tài khoản quản trị được phân quyền, kiểm tra an toàn thông tin	100%
14	Thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết chuyển đổi số đúng thời hạn	100%
15	Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo bộ chỉ số hiện hành	01 lần/năm học

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong chuyển đổi số

Tổ chức quán triệt Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT và Kế hoạch số 691/KH-SGDĐT đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Đưa nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch hoạt động của từng tổ và nhiệm vụ của từng cá nhân.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác chuyển đổi số nhà trường; phân công cán bộ quản lý phụ trách, giáo viên nòng cốt và nhân sự hỗ trợ kỹ thuật tại các điểm trường.

Lồng ghép đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số vào công tác kiểm tra nội bộ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Phát triển và nâng cao chất lượng dữ liệu giáo dục

Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trường, lớp, học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

Tổ chức đối chiếu thông tin giữa hồ sơ thực tế, phần mềm quản lý nhà trường và cơ sở dữ liệu ngành; kịp thời xử lý dữ liệu thiếu, sai lệch, trùng lặp.

Hoàn thành đợt rà soát, làm sạch dữ liệu trước ngày 30/10/2026 theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Phân công bộ phận văn phòng, giáo viên chủ nhiệm và cán bộ phụ trách dữ liệu thường xuyên cập nhật, kiểm tra, đối soát thông tin.

Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo giáo dục trên hệ thống được ngành hướng dẫn; hạn chế yêu cầu nhập lại thông tin đã có trên nền tảng dùng chung.

3. Triển khai học bạ số và hồ sơ điện tử

Tổ chức thực hiện học bạ số đối với cấp tiểu học và THCS theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT và Công văn số 3735/SGDĐT-GDPT.

Rà soát dữ liệu học sinh, kết quả học tập, rèn luyện, thông tin giáo viên, lớp học để phục vụ tạo lập học bạ số.

Phân công trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, phê duyệt, ký số và đồng bộ học bạ số theo thẩm quyền.

Từng bước thực hiện số hóa hồ sơ chuyên môn, kế hoạch giáo dục, hồ sơ quản lý và các loại tài liệu đủ điều kiện sử dụng trên môi trường số.

Bảo đảm hồ sơ điện tử có khả năng truy xuất, lưu trữ và phục vụ kiểm tra, đánh giá theo quy định.

4. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường

Tăng cường sử dụng phần mềm quản lý trường học, văn bản điện tử, chữ ký số, thư điện tử công vụ và các nền tảng quản trị được ngành triển khai.

Tổ chức quản lý kế hoạch, lịch công tác, phân công chuyên môn, hồ sơ nhân sự, cơ sở vật chất và báo cáo bằng công cụ số phù hợp.

Từng bước kết nối, tích hợp dữ liệu với nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu của Bộ GD&ĐT theo lộ trình.

Thực hiện công khai thông tin nhà trường trên cổng thông tin điện tử theo quy định; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh thông qua các kênh thông tin phù hợp.

Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu theo quy định; bảo đảm công khai, thuận tiện, có phương án hỗ trợ phụ huynh gặp khó khăn khi sử dụng công nghệ.

5. Ứng dụng CNTT và học liệu số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá

Chỉ đạo các tổ chuyên môn tăng cường sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, video giáo dục, phần mềm mô phỏng và thiết bị công nghệ trong tổ chức hoạt động dạy học.

Xây dựng kho học liệu số cấp trường, phân loại theo cấp học, môn học, khối lớp và chủ đề; từng bước kết nối, chia sẻ với kho học liệu số dùng chung của ngành.

Khuyến khích giáo viên xây dựng ngân hàng câu hỏi, bài tập tương tác, học liệu tự học và các công cụ hỗ trợ kiểm tra, đánh giá.

Tổ chức dạy học trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến khi phù hợp, bảo đảm đúng quy định và điều kiện thực tế.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng chia sẻ sản phẩm số, thực hành sử dụng công nghệ và đánh giá hiệu quả ứng dụng trong từng môn học.

6. Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục

Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên về kỹ năng sử dụng AI phục vụ công tác quản lý, soạn giảng, thiết kế học liệu và kiểm tra, đánh giá.

Khuyến khích giáo viên sử dụng các công cụ AI phù hợp để hỗ trợ xây dựng kế hoạch bài dạy, thiết kế câu hỏi, phiếu học tập, hình ảnh minh họa và hoạt động giáo dục.

Ứng dụng AI trong tổng hợp, phân tích dữ liệu, hỗ trợ xây dựng báo cáo, lập kế hoạch và theo dõi chất lượng giáo dục; mọi kết quả do AI tạo ra phải được người có trách nhiệm kiểm chứng.

Xây dựng quy định nội bộ về sử dụng AI an toàn, minh bạch, có trách nhiệm; không đưa dữ liệu cá nhân nhạy cảm, thông tin học sinh và tài liệu mật lên các nền tảng AI không được phép.

Đối với học sinh THCS, hướng dẫn sử dụng AI để hỗ trợ học tập, tìm kiếm và kiểm chứng thông tin, phát triển tư duy phản biện, không lạm dụng hoặc sao chép sản phẩm AI để thay thế hoạt động học tập cá nhân.

Đối với học sinh tiểu học, giáo dục nhận thức ban đầu về công nghệ số và AI phù hợp độ tuổi, có sự hướng dẫn của giáo viên và gia đình.

7. Phát triển năng lực số cho giáo viên và học sinh

Tổ chức rà soát, đánh giá năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên theo khung năng lực số hiện hành.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo nhóm đối tượng, ưu tiên kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng quản trị, thiết kế học liệu, sử dụng AI và bảo đảm an toàn thông tin.

Lồng ghép phát triển năng lực số cho học sinh trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM và hoạt động giáo dục khác.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về văn hóa ứng xử trên không gian mạng, nhận diện thông tin giả, phòng tránh lừa đảo trực tuyến và bảo vệ thông tin cá nhân.

Khuyến khích giáo viên tự học, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong ứng dụng công nghệ.

Sản phẩm: Hồ sơ bồi dưỡng, tài liệu tập huấn, hoạt động giáo dục kỹ năng số và sản phẩm thực hành của giáo viên, học sinh.

8. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM và đổi mới sáng tạo

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phù hợp với điều kiện thực tế của từng cấp học.

Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng các chủ đề STEM tích hợp trong môn học và hoạt động giáo dục; ưu tiên những chủ đề gắn với môi trường, đời sống, sản xuất và điều kiện xã đảo.

Khuyến khích học sinh thực hiện các sản phẩm STEM, tham gia hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và ngày hội sáng tạo.

Từng bước hình thành kho học liệu STEM, góc trải nghiệm STEM và đề xuất đầu tư không gian giáo dục STEM phù hợp điều kiện cơ sở vật chất.

Sản phẩm: Kế hoạch giáo dục STEM, chủ đề dạy học STEM, sản phẩm học sinh và hồ sơ hoạt động trải nghiệm.

9. Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Rà soát toàn bộ hệ thống mạng Internet, máy tính, thiết bị trình chiếu, thiết bị dạy học số và điều kiện kết nối tại các Điểm trường và Cơ sở.

Xây dựng danh mục thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp, bổ sung; ưu tiên các điểm trường còn khó khăn về hạ tầng.

Tăng cường bảo mật tài khoản, phân quyền sử dụng phần mềm, sao lưu dữ liệu định kỳ và quản lý thiết bị lưu trữ.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhận diện nguy cơ mất an toàn thông tin.

Xây dựng phương án xử lý sự cố, mất dữ liệu, lộ lọt thông tin và gián đoạn hệ thống công nghệ thông tin.

10. Kiểm tra, đánh giá và thực hiện chế độ báo cáo

Đưa nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học.

Kiểm tra định kỳ việc cập nhật dữ liệu, sử dụng học bạ số, hồ sơ điện tử, học liệu số, ứng dụng AI và bảo đảm an toàn thông tin.

Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường theo Bộ chỉ số hiện hành và hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

Thực hiện báo cáo sơ kết sau học kỳ I, tổng kết cuối năm học và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, điều hành

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hiệu trưởng trong chỉ đạo, tổ chức triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách từng cấp học, lĩnh vực công tác.

Kiện toàn Tổ công tác chuyển đổi số; xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên và cơ chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, bộ phận văn phòng, giáo viên chủ nhiệm.

Thực hiện kiểm tra tiến độ, đánh giá kết quả theo từng học kỳ; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn.

2. Giải pháp về phát triển đội ngũ

Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, tự học và hướng dẫn trực tiếp.

Phát huy vai trò giáo viên có năng lực CNTT trong hỗ trợ đồng nghiệp; xây dựng nhóm giáo viên nòng cốt về chuyển đổi số, STEM và AI.

Khuyến khích giáo viên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, chia sẻ sáng kiến và sản phẩm học liệu số.

3. Giải pháp về hạ tầng và thiết bị

Khảo sát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại các điểm trường; xác định nhu cầu ưu tiên đầu tư.

Sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện có; tăng cường bảo trì, sửa chữa, nâng cấp đường truyền Internet và thiết bị phục vụ quản lý, dạy học.

Ưu tiên giải pháp dùng chung, tiết kiệm, phù hợp khả năng ngân sách; tránh đầu tư trùng lặp, thiếu đồng bộ.

4. Giải pháp về dữ liệu và nền tảng số

Thực hiện chuẩn hóa, đối soát và cập nhật dữ liệu giáo dục thường xuyên; phân công rõ trách nhiệm quản lý từng nhóm dữ liệu.

Ưu tiên sử dụng các nền tảng số do Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT triển khai; hạn chế phát sinh phần mềm riêng lẻ gây phân tán dữ liệu.

Bảo đảm nguyên tắc cập nhật dữ liệu một lần, khai thác nhiều lần theo quy định.

5. Giải pháp về tài chính và huy động nguồn lực

Bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong dự toán ngân sách hằng năm được giao.

Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa theo quy định, ưu tiên hỗ trợ thiết bị, học liệu số, bồi dưỡng kỹ năng số và nâng cấp hạ tầng.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

6. Giải pháp về kiểm tra, giám sát

Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Lấy sản phẩm, kết quả thực hiện và hiệu quả ứng dụng thực tế làm căn cứ đánh giá.

Kịp thời biểu dương, nhân rộng những cách làm hiệu quả; chấn chỉnh các trường hợp triển khai hình thức, thiếu hiệu quả hoặc vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho nhà trường theo dự toán được giao.

2. Nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguồn tài trợ, hỗ trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Bộ phận Kế toán phối hợp với các bộ phận chuyên môn tham mưu lập dự toán, cân đối và sử dụng kinh phí phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên nhiệm vụ thiết yếu, cấp bách.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm chung về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Ban hành quyết định kiện toàn Tổ công tác chuyển đổi số; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch đầu tư, phát triển hạ tầng, bồi dưỡng nhân lực, ứng dụng nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin.

Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết; đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

2. Các Phó Hiệu trưởng

Tham mưu Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn thuộc cấp học, lĩnh vực được phân công.

Chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện ứng dụng CNTT, học liệu số, AI, giáo dục STEM, kiểm tra đánh giá và phát triển năng lực số cho học sinh.

Theo dõi việc triển khai học bạ số, hồ sơ chuyên môn điện tử, chất lượng dữ liệu và các hoạt động dạy học trên môi trường số.

Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của các tổ chuyên môn, báo cáo Hiệu trưởng.

3. Tổ công tác chuyển đổi số

Tham mưu xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Rà soát hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý, dữ liệu giáo dục và các điều kiện bảo đảm an toàn thông tin.

Hỗ trợ giáo viên, nhân viên sử dụng nền tảng số, học bạ số, hồ sơ điện tử và các công cụ phục vụ chuyên môn.

Tổng hợp số liệu, minh chứng và báo cáo kết quả thực hiện theo từng giai đoạn.

4. Các tổ chuyên môn

Xây dựng nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong kế hoạch hoạt động của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn về ứng dụng công nghệ số, AI, STEM và đổi mới kiểm tra, đánh giá.

Chỉ đạo giáo viên xây dựng, chia sẻ học liệu số; sử dụng thiết bị và phần mềm dạy học phù hợp.

Định kỳ đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học, đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế.

5. Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn

Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin học sinh, kết quả học tập, rèn luyện trên các hệ thống quản lý theo phân công.

Tham gia triển khai học bạ số, sử dụng học liệu số, công cụ hỗ trợ dạy học và kiểm tra, đánh giá.

Hướng dẫn học sinh kỹ năng số, an toàn mạng, sử dụng AI phù hợp, có trách nhiệm.

Phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc khai thác thông tin học tập và sử dụng các dịch vụ giáo dục số.

6. Bộ phận văn phòng, kế toán và phụ trách CNTT

Bộ phận văn phòng thực hiện quản lý văn bản, hồ sơ điện tử, cơ sở dữ liệu và thống kê giáo dục theo nhiệm vụ được giao.

Bộ phận kế toán tham mưu kinh phí, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý chứng từ theo quy định.

Giáo viên, nhân viên được phân công phụ trách thiết bị, thư viện, CNTT phối hợp kiểm kê, quản lý, khai thác và bảo trì thiết bị; hỗ trợ triển khai thư viện số, học liệu số.

7. Tổng phụ trách Đội và Chi Đoàn giáo viên

Phối hợp tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục kỹ năng số, văn hóa ứng xử trên không gian mạng và an toàn thông tin cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hội thi, ngày hội STEM, hoạt động sáng tạo phù hợp điều kiện thực tế.

Vận động đoàn viên, đội viên, giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyển đổi số của nhà trường.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

Các tổ chuyên môn, bộ phận được phân công có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo học kỳ và khi có yêu cầu.

Tổ công tác chuyển đổi số tổng hợp, tham mưu báo cáo sơ kết học kỳ I và tổng kết năm học 2026-2027.

Nhà trường thực hiện báo cáo kết quả chuyển đổi số về cơ quan quản lý theo thời hạn và biểu mẫu được hướng dẫn(nếu có).

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2026-2027 của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Phú Đông. Đề nghị các bộ phận, tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các bộ phận kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- UBND xã Tân Phú Đông (báo cáo);
- Sở GD&ĐT Đồng Tháp (theo yêu cầu);
- Ban Giám hiệu;
- Các tổ chuyên môn, bộ phận;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG T. ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN PHÚ ĐÔNG

Đặng Thanh Vui